

Kỷ niệm 250 năm ngày sinh Danh nhân văn hoá thế giới, đại thi hào Nguyễn Du

MỘT SỐ NỘI DUNG VIỆT HÓA KIM VÂN KIỀU TRUYỆN

THÀNH TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

Some Vietnamized contents from Kim Van Kieu Story into Kieu Story of Nguyen Du

TS. Vũ Quỳnh Loan*

TÓM TẮT

“Truyện Kiều” là truyện Nôm nổi tiếng của Nguyễn Du, mượn cốt truyện từ tiểu thuyết văn xuôi chữ Hán “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc).

Những yếu tố làm nên sự thành công của quá trình Việt hoá Truyện Kiều đó là: Sử dụng thể thơ lục bát, sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ, lối nói dân gian, dùng nhiều từ ngữ thuần Việt, gần gũi ngôn ngữ đời sống, không gian nghệ thuật trong tác phẩm mang màu sắc và hình ảnh đậm chất văn hoá Việt.

Từ khóa: Việt hóa, Kim Vân Kiều truyện, Truyện Kiều, Nguyễn Du.

ABSTRACT

Kieu Story is a famous Nom Story of Nguyen Du, and its plot was borrowed from a prose fiction of Chinese script namely KimVan Kieu Story written by Thanh Tam Tai Nhan (China).

Factors made the success of Vietnamized process of Kieu Story are: the use of six-eight verse; the use of many proverbs, idioms, and folk speaking style; and the use of Vietnamese words that are close to everyday language, and art space in writings stores colours and images in which Vietnamese culture is salient.

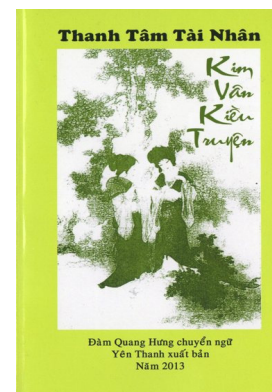
Keyword: Vietnamized, Kim Van Kieu Story, Kieu Story, Nguyen Du



Bìa bản in năm 1979 của NXB Văn học



Bìa bản in năm 2007 của NXB Giáo dục



Bìa một trong những bản Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân

* Đại học Tân Trào – Tuyên Quang

Nội dung

Truyện Kiều của Nguyễn Du là di sản văn hoá quý báu của dân tộc. “Tiếng kêu đứt ruột” (Đoạn trường tân thanh) dành cho nàng Kiều tài hoa bạc mệnh đã đưa Nguyễn Du trở thành một trong những người Việt Nam được công nhận là danh nhân văn hoá thế giới. Tại kỳ họp thứ 37 (Pari, 2013), UNESCO đã quyết định cùng với Việt Nam sẽ kỷ niệm 250 năm ngày sinh của Đại thi hào Nguyễn Du vào năm 2015. Kiệt tác *Truyện Kiều* góp phần quan trọng nhất giúp đại thi hào Nguyễn Du trở thành “Danh nhân văn hóa thế giới” như Nguyễn Trãi (công nhận năm 1980) và Hồ Chí Minh (công nhận năm 1990).

Hiếm có tác phẩm văn học nào lại có đời sống phong phú, nhiều màu sắc và chưa bao giờ ổn định như *Truyện Kiều*. Cứ như nỗi đoạn trường của nàng Kiều vận vào tác phẩm vậy. Cho đến nay, dù là tác phẩm văn học viết, nhưng do cuộc đời nhiều sóng gió của Nguyễn Du mà quá trình lưu truyền trắc trở, lại là tác phẩm gây chú ý ngay từ khi ra đời mà *Truyện Kiều* trở thành tác phẩm có nhiều dị bản nhất, hơn cả các tác phẩm văn học dân gian.

Các bản chép, bản in *Truyện Kiều* từ trước đến nay rất nhiều và ít nhiều đều có dị bản. Trong trường hợp này, chúng tôi lựa chọn khảo sát và nghiên cứu bản in “*Kiều*” của Nhà xuất bản Văn học, năm 1979.

Vị trí của Nguyễn Du trong lịch sử văn học dân tộc đã được khẳng định và không còn ai nghi ngờ gì nữa.

“Nguyễn Du là người đã kết tinh mọi truyền thống ưu tú nhất của văn học bác học và văn học dân gian Việt Nam, người kết hợp vốn văn học Việt Nam và văn học Trung Quốc để sáng tạo ra kiệt tác có tầm cỡ thế giới là *Truyện Kiều*. Với *Truyện Kiều*, ông đã đưa thể loại truyện Nôm vốn nô nôm na thịnh hành từ thế kỉ XVII lên một trình độ cổ điển, tiếp cận với thể loại tiểu thuyết tâm lí hiện đại. Ông đã đưa tiếng Việt văn học lên trình độ cổ điển tuyệt vời, trở thành mẫu mực của ngôn ngữ nghệ thuật dân tộc.”¹

Đánh giá về vị trí của *Truyện Kiều* đối với sự phát triển và gìn giữ tiếng nói dân tộc, ông Phạm Quỳnh, chủ bút *Nam Phong tạp chí* (một tờ nguyệt san xuất bản tại Việt Nam từ ngày 1/7/1917 - tháng 12/1934) đã có câu nói bất hủ: “*Truyện Kiều* còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn”.

Rất nhiều yếu tố làm lên vị trí ấy của Nguyễn Du trong nền văn hoá dân tộc. Một trong những lí do lớn nhất là Nguyễn Du đã vô cùng thành công khi Việt hoá *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân thành một tác phẩm *Truyện Kiều* của văn học Việt Nam nổi tiếng trên phạm vi thế giới.

Những yếu tố làm nên sự thành công của quá trình Việt hoá *Truyện Kiều* đó là: Sử dụng thể thơ lục bát, sử dụng một thể giới thành ngữ, quán ngữ tiếng Việt một cách điêu luyện và đầy sáng tạo.

1. Với *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã hoàn thiện, nâng cấp thể thơ lục bát bắt nguồn từ ca dao lên trình độ hoàn chỉnh nhất

Lục bát là thể thơ quen thuộc với mọi người dân Việt Nam dù biết hay không biết chữ. Lục bát là thể thơ dân tộc mang đậm bản sắc và phong vị quê hương. Thơ lục bát rất dễ thuộc và dễ nhớ

¹ Trần Đình Sử, *Địa vị lịch sử của thi hào Nguyễn Du trong văn học Việt Nam*, nguồn:trandinhstu.wordpress.com

vì lời thơ giản dị, mộc mạc, có sự kết hợp giữa ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ đời thường. Câu thơ đọc lên mà cứ ngỡ là câu hát hay một bản nhạc, vừa có vần vừa có điệu nghe rất thanh thoát và êm tai. Nguyễn Du đã chọn thể thơ truyền thống, thể hiện đậm nét nhất bản sắc văn hoá dân tộc này để “chuyển thể” *Kim Vân Kiều truyện* từ văn xuôi chữ Hán của Thanh Tâm Tài nhân thành bản *Kiều* nổi tiếng ngày nay.

Từ cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, thể thơ lục bát lại được các nho sĩ bình dân sử dụng để viết truyện, tạo ra một thể loại văn học mới thời bấy giờ, đó chính là *Truyện thơ nô*. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du chính là một đỉnh cao rực rỡ của loại *Truyện thơ nô*. Thể thơ lục bát từ ca dao đến *Truyện Kiều* cũng được quy chuẩn và hoàn thiện hơn. So với lục bát dân gian thì lục bát *Truyện Kiều* không còn các dạng biến thể nữa. Có thể xem lục bát *Truyện Kiều* là một thứ lục bát thuần khiết. Với 3254 câu lục bát, Nguyễn Du đã huy động hầu hết các bộ vần trong tiếng Việt vào tác phẩm. Mỗi câu lục bát trong *Truyện Kiều* đều đạt đến độ chuẩn mực.

Lục bát trong ca dao hay trong thơ của các nhà thơ Việt Nam đều có dạng lục bát biến thể hoặc mắc những lỗi chập vần khiến câu thơ thiếu linh hoạt, uyển chuyển. Nhưng trong *Truyện Kiều*, lục bát tuyệt đối không có lỗi về gieo vần, thả nhịp. Nó thể hiện tài năng sử dụng thể thơ dân tộc của Nguyễn Du một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo và điêu luyện. Đồng thời một phần còn do quá trình lưu truyền, các tác giả hiệu đính đã góp sức trau chuốt mỗi câu Kiều để trở thành những câu lục bát dân tộc chuẩn điệu, chỉnh vần nhịp như vậy.

Có thể coi *Truyện Kiều* như là một mẫu chuẩn về thể thơ lục bát với sự thống nhất tuyệt đối về luật gieo vần. Luật đó là: chữ thứ 6 của câu tám vần với chữ thứ 6 của câu sáu trên, đổi vần và đổi thanh điệu sang chữ thứ 8 của câu tám rồi nối vần này xuống chữ thứ 6 của câu sáu dưới,... Các chuỗi vần trong lục bát *Truyện Kiều* chạy vòng vào uốn lượn theo các chữ "sáu - sáu, đổi vần và đổi thanh điệu, tám - sáu" rồi lại "sáu - sáu, đổi vần và đổi thanh điệu, tám - sáu"... Nguyễn Du đã khai thác triệt để yếu tố đổi vần này làm lục bát *Truyện Kiều* khá tự do và linh hoạt.

Lục bát trong *Truyện Kiều* phần lớn là ngắt nhịp chẵn và gieo vần bằng, kế thừa trọn vẹn sự uyển chuyển, dung dị, dễ nhớ, dễ thuộc của ca dao truyền thống.

Đây là một đoạn ngắt nhịp và gieo vần chuẩn lục bát truyền thống trong Kiều, đoạn thơ miêu tả ngoại cảnh và tâm cảnh của Thuý Kiều sau buổi chiều gặp mộ Đạm Tiên trở về:

*Kiều từ/ trở gót /trống hoa,
Mặt trời gác núi /chiêng ã thu không.
Gương nga /chênh chênh/ dòm song,
Vàng gieo ngấn nước,/ cây lông bóng sân.
Hải đường /lả ngọn /đông lân,
Giọt sương gieo nặng, cành xuân la ã.
Một mình lạng ngấm bóng nga,
Rộn đường gần với nổi xa bời bời:
Người mà đến thế thì thôi,
Đời phồn hoa cũng là ãi bỏ ãi!*

Người đầu gặp gỡ làm *chi*,
Trăm năm biết có duyên *gì* hay *không*?
Ngón ngang trăm mối bên *lòng*,
Nên câu tuyệt diệu ngụ *trong* tính tình.

(Câu 171 – 184)

Tuy nhiên, sự kế thừa truyền thống của cụ Nguyễn cũng đầy linh hoạt và sáng tạo. Vẫn đảm bảo vần gieo và vị trí gieo vần của truyền thống lục bát nhưng cụ đã sáng tạo trong cách ngắt nhịp. Để diễn tả những diễn biến bất thường hay biến cố trong số phận nàng Kiều bằng cách ngắt nhịp lẻ hoặc ngắt nhịp tách đôi câu bát:

“Làn thu thủy/nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm/liều hờn kém xanh”

(Câu 2 -26)

Tại hoạ bất ngờ ập xuống gia đình Kiều:

Đồ tể nhuyển,/ của riêng tây
Sạch sành sanh vét/cho đầy túi tham.

(Câu 584 – 585)

Đó là lời than đau đớn của Thuý Kiều khi dứt tình chàng Kim:

“Ôi Kim lang!/ Hỡi Kim lang
Thôi thôi thiếp đã /phụ chàng từ đây”

(Câu 755 - 766)

Đôi khi là cả cách ngắt nhịp lẻ và gieo vần trắc khi bắt đầu những ngày đau đớn dập vùi của nàng Kiều:

“Đoạn trường thay,/lúc phân kỳ
Vớ câu khắp khênh,/bánh xe gập ghềnh”.

(Câu 869 - 870)

Kế thừa những giá trị đặc sắc của văn điệu, lối nói dân gian trong ca dao, Nguyễn Du đã đưa thể thơ lục bát đến trình độ đặc sắc và điêu luyện, làm nên một *Truyện Kiều* đích thực Việt Nam. Chính nhờ lục bát mà Kiều đã đi vào đời sống, quen thuộc trong mỗi lời ru, trong những sinh hoạt văn hoá cộng đồng, văn hoá truyền thống của người Việt một cách tự nhiên, sâu đậm và bền vững.

2. Ngôn ngữ, thành ngữ, lối nói dân gian của người Việt góp phần làm nên giá trị Truyện Kiều và được bảo tồn trong Truyện Kiều

Sự sáng tạo và đóng góp của Nguyễn Du đối với lục bát không chỉ ở ngắt nhịp và gieo vần, mà còn phải kể đến nghệ thuật sử dụng từ ngữ. Đây cũng là một yếu tố tạo nên sự thành công trong việc Việt hoá *Truyện Kiều* hay nói đúng hơn là sáng tạo nên một *Truyện Kiều* thuần Việt của cụ Nguyễn làng Tiên Điền. Cụ đưa vào tác phẩm những từ láy, điệp từ, thành ngữ, những lời ăn tiếng nói trong sinh hoạt hàng ngày của người bình dân, xoá bỏ hoàn toàn sự đơn điệu và tẻ nhạt, khuôn

thước của văn học Hán ngữ cũng như của văn học trung đại Việt Nam. Tả cảnh Kiều gặp mộ Đạm Tiên, hai kẻ tài hoa bạc mệnh gặp nhau, dung dị như lời ăn tiếng nói hàng ngày:

Đau đớn thay, phận đàn bà!

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung

(Câu 83 – 84)

Đã không kẻ đoái người hoài

Sẵn đây ta thắp một vài nén hương

Gọi là gặp gỡ giữa đường,

Hoạ là người dưới suối vàng biết cho.

(Câu 91 – 94)

“Mặc dù mượn cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân nhưng ngôn ngữ để xây dựng tác phẩm lại được Nguyễn Du khai thác từ văn học dân gian Việt Nam. Văn học dân gian với sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ, hình tượng, cách diễn đạt đã góp phần giúp Truyện Kiều trường tồn với thời gian và nhân loại. Dưới bàn tay của thiên tài Nguyễn Du, tiếng Việt của chúng ta trở nên tinh túy, đặc sắc hơn. Ngôn ngữ của Truyện Kiều từ lâu đã đi vào mọi ngõ đường sinh hoạt của nhân gian. Từ người già tới trẻ nhỏ, từ người biết chữ hay không biết chữ, khi đã yêu mến đều thuộc nằm lòng những câu lục bát trong truyện, đều biết bói Kiều, lấy Kiều... Truyện Kiều sử dụng nhiều chất liệu của ca dao, tục ngữ nhưng cũng từ tác phẩm này, nhân dân ta có thêm nhiều thành ngữ mới trong đời sống hàng ngày.”²

Với người nghệ sĩ lớn, trong sáng tạo nghệ thuật, tạo ra cái mới là nhiệm vụ quan trọng, song bằng tác phẩm của mình, lưu giữ và truyền tải những tinh hoa văn hoá dân tộc, nhân loại cũng là một trọng trách cao cả. Nguyễn Du đã hoàn thành rất xuất sắc nhiệm vụ của người nghệ sĩ lớn như thế.

Điều này, được thể hiện rõ trong việc vận dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ, lối nói dân gian khi cụ Việt hoá *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Những thành ngữ, quán ngữ, lối nói dân gian được đưa vào lục bát *Truyện Kiều* rất tự nhiên, nhiều khi phác hoạ rõ nét bức chân dung của nhân vật. Chỉ là một nhân vật phụ, nhưng với cách dùng các thành ngữ dân gian, Nguyễn Du đã vẽ nên một bức chân dung Hoạn Bà ghê gớm, cay nghiệt khi thể hiện nỗi “ngứa ghè hờn ghen” thay con gái:

Bất tình nổi trận mây mưa

Đức rằng: “Những giống bơ phờ quen thân!

Con này chẳng phải thiện nhân

*Chẳng phùng **trôn chúa** thì quân **lộn chồng***

*Ra tuồng **mèo mã gà đồng***

Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.

Đã đem mình đến cửa tao

Lại còn khùng khỉnh làm cao thế này”.

(Câu 1727 – 1736)

² Phong Linh, *Truyện Kiều nâng tầm giá trị ngôn ngữ Việt*, Baohatinh.vn, ngày 13/2015

Cách sử dụng những thành ngữ “trốn chúa lộn chồng”, “mèo mả gà đồng”, và các xưng hô “con này”, “phường”, “quân”, “tuồng”, “tao”, “khủng khinh làm cao”... đặc sệt ngôn ngữ đời sống đã “tổ cáo” một bà “mệnh phụ” chợ búa và tâm địa ghê gớm đến thế nào.

Theo thống kê của Viện Ngôn ngữ học (Việt Nam), trong *Truyện Kiều* có tới 180 lần Nguyễn Du sử dụng thành ngữ. Thành ngữ được Nguyễn Du sử dụng trong tác phẩm dưới hai hình thức: hoặc là giữ nguyên, hoặc là chỉ giữ nội dung, thay đổi kết cấu, đảo từ ngữ, thêm bớt từ ngữ... Có khi sử dụng thành ngữ trong ba cặp lục bát liên tiếp. Đó là các thành ngữ “kiến bò miệng chén”, “nhìn chẳng được nhau”, “cát đầu chẳng lên”, “trông tận mắt” (*trông thấy nhãn tiền*), “thăm ván đóng thuyền”:

*Lo gì việc ấy mà lo
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu.
Làm cho nhìn chẳng được nhau
Làm cho đây đoạ cát đầu chẳng lên”
Làm cho trông thấy nhãn tiền
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay”*

(Câu 1547 – 1552)

Hoặc một câu giữ nguyên, một câu lấy ý:

*“Nghĩ rằng ngựa ghê hờn ghen
Xấu chàng mà có ai khen chi mình”*

(Câu 1609 – 1610)

Giữ nguyên thành ngữ “ngựa ghê hờn ghen”, lấy ý của thành ngữ “xấu chàng hổ ai”. Nhiều câu lục bát, Nguyễn Du mượn thành ngữ, tục ngữ nhưng vẫn diễn tả đầy đủ, tinh tế nội dung cần truyền tải. Lời Từ Hải thể hiện khí phách anh hùng, hiên ngang được Nguyễn Du dùng những thành ngữ quen thuộc

*Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,
Vào luôn ra cúi công hầu mà chi”*

(Câu 2467 – 2468)

Một loạt các thành ngữ quen thuộc được tác giả sử dụng trong hai câu lục bát nói về suy nghĩ, tính toán của Thúc Sinh về việc có nên nói thật với vợ hay không (“bung kín miệng bình”, “không khào mà xưng”, “rút dây động rừng”):

*Nghĩ: “đà bung kín miệng bình
Nào ai có khào mà mình lại xưng?”
Nhưng là e áp dùng dằng,
Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi”*

(Câu 1578 – 1581)

Có thể liệt kê được rất nhiều những câu lục bát như thế trong *Truyện Kiều*. Khi lấy ý của thành ngữ, lời nói dân gian, Nguyễn Du đều sử dụng rất sáng tạo và uyển chuyển.

Lời Kim Trọng từ biệt Thuý Kiều:

*Trăng thề còn đó trơ trơ
Đám xa xôi mặt mà thua thốt lòng.*

(Câu 541 – 542)

Từ thành ngữ: "xa mặt cách lòng". Cách diễn đạt của Nguyễn Du đủ ý mà tinh tế, mềm mại:

*Lo gì việc ấy mà lo
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu*
(thành ngữ "kiến bò miệng chén")

*Cũng ngôi mệnh phụ đường đường
Nở nang mày mặt, rõ ràng mẹ cha*
(thành ngữ "nở mặt nở mày")

(Câu 2481 – 2482)

*Vợ chàng quý quái, tinh ma
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau*
(thành ngữ "kẻ cắp gặp bà già")

(Câu 2333 – 2334)

Nguyễn Du tài tình ở chỗ, khi lấy ý của thành ngữ, lối nói dân gian, cụ thường làm cho cách nói ấy hay hơn, uyển chuyển hơn, dễ hiểu và rõ nghĩa hơn. Đặc biệt là khi cụ Việt hoá các điển tích, điển cố Hán Việt. Nguồn gốc của Truyện Kiều là từ một tác phẩm văn học Hán ngữ nên không thể thiếu thành ngữ, điển cố, điển tích, cổ thi Hán ngữ. Nhà thơ Vương Trọng, một người rất say mê nghiên cứu Kiều đã tổng kết: “Đối với các thành ngữ chữ Hán, có một số câu tác giả "Truyện Kiều" để nguyên văn, nhưng tìm cách đưa đẩy, dặt dẵn để cho ngay cả những người không biết tiếng Hán, khi chưa đọc chú thích, cũng sơ bộ hiểu được nội dung thành ngữ ấy:

*Lạ gì "bỉ sắc tư phong"
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*

Hay:

*Nàng rằng: "thiên tải nhất thì"
Cố nhân dễ đã mấy khi bàn hoàn...*

thì câu "Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen" giúp người ta hiểu sơ bộ nghĩa "bỉ sắc tư phong" là được điều này, mất điều kia; hay: "Cố nhân dễ đã mấy khi bàn hoàn" giúp hiểu nghĩa "thiên tải nhất thì" là rất hiếm khi, ngàn năm có một...

Nhưng trong nhiều trường hợp, Nguyễn Du đã diễn Nôm thành ngữ chữ Hán thành một vài câu thơ thuần Việt, rất nhuần nhuyễn và dễ hiểu. Ví như muốn nói Thuý Kiều vì đã từng ở lầu xanh rồi nên rất sợ những gì tương tự, Nguyễn Du liền cung cấp cho bạn đọc thành ngữ "Kinh cung chi

điều" nhưng được Việt hóa: *Thiếp như con én lạc đàn/ Phải cung rày đã sợ làn cây cong*"³

Sự xâm nhập của thành ngữ, lối nói dân gian vào Truyện Kiều nhuần nhuyễn đến độ “hoà nhập” “hoà tan” vào nhau. Để cho đến nay, theo thời gian, có nhiều lời nói không thể xác định được là Nguyễn Du mượn của nhân dân hay thời gian đã “dân gian hoá” sáng tạo từ ngữ của Nguyễn Du. Những bức chân dung phác hoạ các nhân vật của Nguyễn Du đã trở thành những hình mẫu dân gian cho một số kiểu, dạng người trong xã hội. Mã Giám Sinh, Tú Bà điển hình cho loại người buôn bán hương. Mã Giám Sinh thì hành vi vô học, thô lỗ: “Ghế trên ngôi tốt số sàng...”.

Cùng phường “mặt cưa mướp đấng” với Tú Bà:

*Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
Mặt cưa mướp đấng, đôi bên một phường.*

...

*Thoắt trông nhìn nhợt màu da,
Ăn chi cao lớn đẫy đà làm sao.*

(Câu 923 – 924)

Chân dung Thúc Sinh thì:

*Khách du bông có một người
Kỳ Tâm, họ Thúc cũng nòi thư hương.*

(Câu 1275 – 1276)

Từ Hải anh hùng hiên ngang:

*Râu hùm, hàm én mày ngài
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.*

(Câu 2167 – 2171)

Hoạn Thư ghê gớm, khôn ngoan, thâm hiểm khi ghen tuông:

*Bề ngoài thơn thớt nói cười
Mà trong nham hiểm giết người không dao.*

(Câu 1815 – 1816)

Với mỗi nhân vật, Nguyễn Du đã lựa chọn những từ ngữ, thành ngữ có thể lột tả nét điển hình nhất về ngoại hình, cử chỉ, tính cách của nhân vật. Những từ ngữ đó phần lớn là từ thuần Việt, gần gũi với lời nói hàng ngày của người bình dân.

3. Dùng nhiều từ thuần Việt, thể hiện quan niệm sống của người Việt

Riêng về từ ngữ, có thể nói Nguyễn Du là “phù thủy ngôn từ” trong việc sử dụng tiếng Việt để chuyển *Kim Vân Kiều truyện* thành *Truyện Kiều* của người Việt. Ngôn ngữ dân tộc đã được sử dụng một cách nhuần nhuyễn, như nhiều nhà nghiên cứu về Kiều đã khẳng định, trong đó có ý kiến

³ Vương Trọng (2009), *Truyện Kiều và biệt tài sử dụng thành ngữ của Nguyễn Du*, Báo Văn nghệ Công an online, ngày 24/8/2009

của Xuân Diệu: “Vào đến thế giới của các từ, của từng từ một, nó là từng viên gạch một, nó là mỗi tế bào của tác phẩm thơ, càng thấy Nguyễn Du là một ông thầy của ngôn ngữ, là một phù thủy của ngôn từ. Những từ, những chữ dùng của ông rất đắt. Dĩ nhiên, “từ” ở đây không phải chỉ là danh từ, mà còn là động từ, tính từ, trạng từ... Tất cả các từ, bao gồm cả những “thì, là, mà, rằng”...⁴

Giống như các tác phẩm văn học cùng thời, từ ngữ trong *Truyện Kiều* có hai thành phần từ thuần Việt và từ Hán Việt. Theo thống kê của Viện Ngôn ngữ học (Việt Nam) thì từ Hán Việt chiếm tỷ lệ khoảng 35% trong tổng số từ của tác phẩm.

Từ Hán Việt Nguyễn Du dùng, thường là những từ phổ biến rộng rãi đối với thời đại bấy giờ. Nguyễn Du đã cố gắng Việt hoá bằng cách dựa vào từ Hán để tạo ra từ mới cho tiếng Việt.

Với vốn ngôn từ tiếng Việt rất phong phú, Nguyễn Du đã sáng tạo nên một *Truyện Kiều* rất gần gũi với người đọc bình dân. Trong các thể hệ bạn đọc say mê *Truyện Kiều* có rất nhiều người không biết chữ, không là đệ tử của “cửa Khổng sân Trình” nhưng vẫn thuộc lòng và hiểu hết, giảng thông *Truyện Kiều*. Đó là vì ngôn ngữ *Truyện Kiều* gần gũi, dung dị và dễ hiểu, nhiều từ thuần Việt, quen thuộc trong dân gian.

Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

Và:

Cớ sao chịu tốt một bề

Gái tơ mà đã ngựa ghê gớm sao.

Những từ ngữ, thành ngữ thuần Việt được dùng để thay thế cho ngôn ngữ uyên bác của văn chương chữ Hán. Điều đặc biệt là khi từ Hán Việt đặt cạnh các từ ngữ thuần Việt đều rất hợp lý và giàu sức gợi:

Phải điều ăn xối ở thì,

Tiết trăm năm nữ bỏ đi một ngày.

(Câu 509 – 510)

Đã nên quốc sắc thiên hương

Một cười này, hẵn nghìn vàng chẳng ngoa”

(Câu 825 – 826)

Các loại từ láy, từ tượng thanh, từ địa phương,... được sử dụng rất hiệu quả và đạt giá trị gợi tả, gợi cảm rất cao. Để gợi tả sự bắt đầu của chặng đời đầy bất trắc của nàng Kiều, Nguyễn Du đặt trong một câu hai từ “khấp khểnh”, “gập gềnh”:

“Đoạn trường thay lúc phân kì,

Vớ câu khấp khểnh, bánh xe gập gềnh”

(Câu 869 – 870)

⁴ Xuân Diệu, *Chung quanh từ ngữ Truyện Kiều*, Trích *Kiều* (Nguyễn Du, 1979), Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội

Tả cảnh gia đình Thúc Ông nhón nhác đi tìm nàng Kiều trong cơn hoả hoạn được tạo nên từ cơn ghen của Hoạn Thư:

*“Tớ thấy chạy thẳng đến nơi,
Tôi bời tưới lửa tìm người lao xao...”*

(Câu 1655 – 1656)

*“Hót ha hót hải nhìn nhau,
Giếng sâu, bụi rậm trước sau tìm quàng”*

(Câu 1659 - 1660)

Bản sắc văn hoá Việt trong Truyện Kiều còn thể hiện qua quan niệm sống, cách ứng xử của nhân vật trong *Truyện Kiều*:

*“Sao cho cốt nhục vẹn tuyền;
Trong khi ngộ biến tòng quyền, biết sao.*

Quan niệm về đối nhân xử thế, lấy “trong ấm ngoài êm” làm tiêu chuẩn. Đây là khi Kiều khuyên Thúc Sinh về thừa mọi chuyện với vợ cả là Hoạn Thư:

*Nàng rằng: “Non nước xa khơi
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm”*

(Câu 1505 – 1506)

*Cho hay muôn sự tại trời
Phụ người chẳng bỏ khi người phụ ta.
Mấy người bạc ác tinh ma,
Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương*

(Câu 2391 – 2394)

Bởi vậy mà *Truyện Kiều* đi vào đời sống rất tự nhiên và nhiều yếu tố của tác phẩm từ nhân vật, câu thơ, hình ảnh so sánh, ước lệ đều đã được dân gian hoá và được dùng phổ biến trong dân gian. Những Sở Khanh, Hoạn Thư, Tú Bà,... đã trở thành nhân vật dân gian.

4. Hình ảnh thơ, ngôn ngữ thơ mang sắc màu, không gian văn hoá địa phương

Cũng bởi truyện Kiều đi sâu vào đời sống người Việt để được lưu truyền cả bằng truyền miệng và văn bản, truyện Kiều cũng như cô Kiều đã nhận được nhiều nhất những khen - chê, oán trách - trầm trồ, đã bao cuộc luận bàn văn chương để lên án, để bênh vực, để chia sẻ và đồng cảm với Kiều - Nguyễn Du. Ấn tượng đến mức đi vào lời nhắc nhở quen thuộc của người Việt theo văn hoá Nho giáo:

*Đàn ông chớ đọc Phan Trần
Đàn bà chớ kể Thuý Vân, Thuý Kiều*

Cảnh sắc thiên nhiên trong mỗi câu Kiều đều mang vẻ đặc trưng của không gian nước Việt. Từ cảnh bốn mùa xuân hạ thu đông đến việc chọn hình ảnh cây cỏ đặc trưng dù địa danh cụ Nguyễn vẫn trung thành với *Kim Vân Kiều truyện*. Những bức vẽ cho các mùa:

Mùa xuân:

*Cỏ non xanh dọn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

Mùa hè:

*Dưới trăng quỳên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông*

Mùa thu:

*Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng*

Khi tả bước thời gian cũng dùng đào, dùng cúc, dùng sen:

*Sen tàn cúc lại nở hoa
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân*

Không gian ngày đầu xuân như một bức tranh lễ hội Việt Nam:

*Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm, một vài bông hoa
Thanh minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh...*

Bức tranh thiên nhiên và khung cảnh lễ hội đầu xuân được Nguyễn Du phác thảo qua những hình ảnh văn hoá đặc trưng của Việt Nam.

Dấu ấn văn hoá xứ Nghệ đã lưu dấu trong Truyện Kiều một cách rất bản năng qua một số cách dùng từ ngữ. Hoàng Xuân Hãn trong bài *Học giả Hoàng Xuân Hãn nói về Truyện Kiều* đăng trên Tạp chí Văn học, số 3, năm 1997 nhận xét: “Cụ Nguyễn Du tuy ở Bắc nhiều - mẹ người Bắc - nhưng cái gốc Nghệ cũng không khỏi được. Cho nên tiếng Nghệ tự nhiên Cụ viết ra, nhiều khi Cụ viết ra những tiếng dùng ở Nghệ chứ ở ngoài Bắc người ta ít dùng lắm. Tuy phần lớn văn Kiều là tiếng Bắc đấy, nhưng có những tiếng như thế”. Đó là các trường hợp mà cụ Hoàng Xuân Hãn đọc các câu: *Sắc đành trôi một, tài đành họa hai, câu Mày râu nhẵn trụi, áo quần bảnh bao, Sở Khanh đã trẹ dây cương lối nào*. “Ngày nay, đọc Truyện Kiều chúng ta - những người Nghệ Tĩnh không khó để nhận ra những sắc thái từ địa phương xuất hiện với tần số cao như: ả, mụ, chi. Những từ ngữ này được Nguyễn Du sắp đặt rất điều luyện, phù hợp với ngữ cảnh, làm nên giá trị thông điệp - thẩm mỹ tuyệt vời”.

Kết luận

Không kể những đóng góp của Nguyễn Du, chỉ với những yếu tố Việt hoá để mang cô Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân vào mỗi nếp nhà người Việt, trong mỗi lời ru, trong những sinh hoạt văn hoá nghệ thuật... của người Việt, Nguyễn Du đã xứng đáng là danh nhân văn hoá. Bởi vậy mà

Nguyễn Du và Kiều đã trở thành niềm say mê của bao thế hệ, trong đó có các nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu. Trong số đó không thể thiếu Chế Lan Viên người đã dành gần như cả một đời gắn bó với Kiều và Nguyễn Du. Cảm nhận của Chế Lan Viên cũng là tình cảm của người Việt dành cho cụ Nguyễn làng Tiên Điền và cô Kiều nước Việt:

Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn

(Chế Lan Viên, Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?)

Ta đã yêu Việt Nam đẹp, Việt Nam thơ,

bát ngát câu Kiều, bờ tre, mái rạ,...

(Chế Lan Viên, Thời sự hè 72, bình luận)

Mỗi câu Kiều đã là một yếu tố của văn hoá Việt và Truyện Kiều vẫn mãi là niềm say mê, còn những bí ẩn chưa khám phá hết mỗi khi một thế hệ bạn đọc mang những yếu tố văn hoá mới để đọc “Kiều”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung Dân (2015), “Dấu ấn văn hóa Nghi Xuân, Can Lộc trong hồn thơ Nguyễn Du”, Nguồn: *Baohatinh.vn*.
2. Nguyễn Du (1979), *Kiều*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
3. Nguyễn Diệu, “Chung quanh từ ngữ Truyện Kiều”, Trích *Kiều* (Nguyễn Du, 1979), Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
4. Mai Quốc Liên (2014), “Nguyễn Du trong lòng các nhà thơ hiện đại”, Báo *Hồn Việt* số 77/2014.
5. Phong Linh (2015), “Truyện Kiều nâng tầm giá trị ngôn ngữ Việt”, Nguồn: *Baohatinh.vn*, ngày 13/2015.
6. Tăng Tấn Lộc (2006), “Du (2007)”, *Truyện Kiều*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
7. “Đi tìm thể lục bát Việt Nam”, nguồn: *vanchuongviet.org*.
8. Trần Đình Sử, “Địa vị lịch sử của thi hào Nguyễn Du trong văn học Việt Nam”, nguồn: *trandinhvu.wordpress.com*.
9. Vương Trọng (2009), “Truyện Kiều và biệt tài sử dụng thành ngữ của Nguyễn Du”, Báo *Văn nghệ Công an online*, ngày 24/8/2009.
10. Tạp chí Văn học, số 3, năm 1997.